

Số: 7/2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2025/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về chính sách, giải pháp đột phá để đạt mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục là việc tổng hợp, ghi, cập nhật kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp và Học bạ số vào các thời điểm theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Những học sinh đang trong thời gian chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được tham gia đầy đủ các hoạt động kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này, trừ trường hợp hình thức kỷ luật có quy định khác.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

“b) Cập nhật nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá giáo dục và các thành tích của học sinh được khen thưởng trong năm học vào Học bạ số.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Hồ sơ đánh giá từng năm học của mỗi học sinh gồm Học bạ số và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

a) Học bạ số phản ánh đầy đủ nội dung đánh giá học sinh theo Quy định này và được quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Học bạ số.

b) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp được lập theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này và được lưu trữ tại nhà trường theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Xét hoàn thành chương trình tiểu học:

Học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 được xác nhận trong Học bạ số với nội dung: “Hoàn thành chương trình tiểu học.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 12 như sau:

“2. Hiệu trưởng chỉ đạo nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh, hồ sơ đánh giá học sinh và dữ liệu Học bạ số; bảo đảm kết quả đánh giá học sinh đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất giữa hồ sơ đánh giá học sinh, Học bạ số và dữ liệu quản lý của nhà trường, cụ thể như sau:

a) Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4: giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh; bàn giao kết quả giáo dục học sinh, hồ sơ đánh giá học sinh và dữ liệu Học bạ số để tiếp tục theo dõi, đánh giá, hỗ trợ học sinh trong năm học tiếp theo;

b) Đối với học sinh lớp 5: Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức coi, chấm bài kiểm tra định kỳ cuối năm học theo quy định, bảo đảm khách quan; giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh và dữ liệu Học bạ số; nhà trường tổ chức nghiệm thu, xác nhận kết quả đánh giá học sinh, xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học và bàn giao hồ sơ, dữ liệu Học bạ số theo quy định để phục vụ chuyển cấp, chuyển trường, lưu trữ, khai thác và sử dụng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6; chỉ đạo việc kế thừa, chuyển giao, đồng bộ, khai thác và sử dụng dữ liệu Học bạ số khi học sinh chuyển lớp, chuyển cấp, chuyển trường theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra việc nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh tiểu học và việc quản lý, sử dụng Học bạ số đối với các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học trên địa bàn theo thẩm quyền.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở giáo dục có cấp tiểu học trên địa bàn thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Quy định này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng hồ sơ đánh giá học sinh, Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp và Học bạ số theo quy định;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh tiểu học; quản lý, sử dụng Học bạ số theo quy định;

d) Theo dõi, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này tại địa phương;

đ) Tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, việc quản lý, sử dụng Học bạ số theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Quy định này;

b) Chỉ đạo Hiệu trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh tiểu học; quản lý hồ sơ đánh giá học sinh và Học bạ số theo quy định;

c) Theo dõi, kiểm tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu Học bạ số của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Giải quyết theo thẩm quyền khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, quản lý, sử dụng Học bạ số tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, việc quản lý, sử dụng Học bạ số theo quy định.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 15 như sau:

“1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện đánh giá học sinh theo Quy định này; bảo đảm chất lượng đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.”

“3. Chỉ đạo việc ra đề, coi, chấm bài kiểm tra định kỳ; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh; xác nhận kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; xét lên lớp; quản lý hồ sơ đánh giá học sinh; cập nhật, xác nhận, quản lý và sử dụng Học bạ số theo quy định.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

“a) Đánh giá, tổng hợp kết quả giáo dục học sinh trong lớp; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; cập nhật, kiểm tra, xác nhận dữ liệu đánh giá để lập Học bạ số; nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh cho lớp học sau; bảo đảm dữ liệu đánh giá học sinh đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất với hồ sơ quản lý của nhà trường;”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 16 như sau:

“b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng lớp, cha mẹ học sinh trong đánh giá học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; cung cấp, kiểm tra, xác nhận dữ liệu đánh giá đối với môn học, hoạt động giáo dục được phân công để lập Học bạ số; nghiệm thu kết quả giáo dục học sinh theo quy định.”

11. Bãi bỏ Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

12. Tên Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định đánh giá học sinh tiểu học được sửa đổi thành “Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp”.

13. Thay thế cụm từ “Điều lệ trường tiểu học” tại khoản 3 Điều 17 bằng cụm từ “Điều lệ trường tiểu học, trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Thông tư này áp dụng đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường chuyên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Chương trình giáo dục phổ thông), cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.”.

2. Bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 và bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:

“4. a) Học sinh xuất sắc là học sinh được đánh giá mức Hoàn thành xuất sắc nội dung học tập và rèn luyện cuối năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Học sinh giỏi là học sinh được đánh giá mức Hoàn thành tốt nội dung học tập và rèn luyện cuối năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

“5. a) Học sinh xuất sắc là học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.

b) Học sinh giỏi là học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Khá trở lên.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

Đối với học sinh khuyết tật học theo Chương trình giáo dục phổ thông, việc đánh giá được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm, mức độ khuyết tật của học sinh, bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng theo quy định của Luật Người khuyết tật. Hiệu trưởng quyết định hình thức và mức độ điều chỉnh trên cơ sở hồ sơ xác định khuyết tật, đề xuất của cha mẹ hoặc người giám hộ, giáo viên trực tiếp dạy học sinh và ý kiến của tổ chuyên môn, bảo đảm:

– Học sinh được tham gia đánh giá với điều kiện hỗ trợ phù hợp, không làm thay đổi yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông;

– Các hình thức điều chỉnh có thể bao gồm: gia hạn thêm thời gian làm bài, điều chỉnh hình thức trình bày đề và bài làm, cho phép sử dụng thiết bị hoặc phần mềm hỗ trợ tiếp cận, bố trí phòng kiểm tra riêng, phân công người hỗ trợ theo yêu cầu;

– Kết quả đánh giá sau khi điều chỉnh có giá trị pháp lý như kết quả đánh giá thông thường và được ghi nhận theo quy định tại Thông tư này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn cụ thể về các hình thức điều chỉnh hợp lý, quy trình lập hồ sơ và thực hiện điều chỉnh đối với từng nhóm khuyết tật trong kiểm tra đánh giá học sinh.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

"3. Đánh giá bằng nhận xét áp dụng đối với các môn học: Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (bao gồm Âm nhạc và Mĩ thuật) ở cấp trung học cơ sở; Âm nhạc, Mĩ thuật ở cấp trung học phổ thông (nếu học sinh lựa chọn); Nội dung giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Kết quả học tập theo từng môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, số điểm đánh giá thường xuyên (ĐĐGtx) trong mỗi học kỳ tối thiểu như sau: môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐGtx; môn học có trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐGtx; môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐGtx. Giáo viên có thể tăng số lần đánh giá thường xuyên theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và đặc thù môn học, phù hợp với các hình thức kiểm tra, đánh giá quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT. Kết quả đánh giá thường xuyên được ghi nhận trong sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học)".

6. Bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

"4. Đối với nội dung giáo dục nâng cao dành cho môn chuyên trong lớp chuyên của trường trung học phổ thông chuyên, giáo viên thực hiện đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học; kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá được lựa chọn và ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 6 Điều 7 như sau:

"1. Đánh giá định kỳ, gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với các môn học: có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút; có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với bài kiểm tra môn chuyên trong lớp chuyên, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và Chương trình giáo dục nâng cao dành cho môn chuyên trong trường chuyên.

- Đối với bài kiểm tra trên máy tính, bài thực hành, dự án học tập, sản phẩm số hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học phải có tiêu chí đánh giá được công bố trước khi tổ chức đánh giá hoặc trước khi học sinh bắt đầu thực hiện.

Đối với môn học có yêu cầu nộp sản phẩm nghiên cứu khoa học thay thế bài kiểm tra cuối kỳ, Hiệu trưởng quyết định việc áp dụng trên cơ sở đề xuất của tổ chuyên môn, bảo đảm sản phẩm đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học và tiêu chí đánh giá được công bố trước khi học sinh bắt đầu thực hiện."

"6. Tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ bằng hình thức bài kiểm tra trên máy tính

a) Điều kiện thực hiện: Nhà trường tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ trên máy tính khi đáp ứng đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm thi và nhân lực vận hành theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thông báo hình thức kiểm tra và yêu cầu kỹ thuật đến học sinh và cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện.

b) Giá trị pháp lý của kết quả và lưu trữ: Bài làm và kết quả kiểm tra trên máy tính được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử, có giá trị pháp lý tương đương bài làm trên giấy khi đáp ứng yêu cầu về xác thực, bảo mật và lưu trữ theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Phương án dự phòng khi xảy ra sự cố kỹ thuật: Nhà trường có phương án dự phòng được chuẩn bị trước và thông báo cho học sinh trước khi tổ chức kiểm tra. Trường hợp sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến kết quả làm bài của học sinh, nhà trường xem xét tổ chức kiểm tra lại hoặc chuyển sang hình thức trên giấy, bảo đảm quyền lợi của học sinh và tính khách quan, trung thực của kết quả kiểm tra.

d) Điều chỉnh hợp lý cho học sinh khuyết tật: Đối với học sinh khuyết tật tham gia bài kiểm tra định kỳ trên máy tính, nhà trường thực hiện điều chỉnh hợp lý phù hợp với đặc điểm, mức độ khuyết tật theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm một số hoặc tất cả các biện pháp sau:

- Bố trí phần mềm và thiết bị công nghệ hỗ trợ tiếp cận (đọc màn hình, phóng to giao diện, nhận dạng giọng nói, điều khiển thay thế hoặc các công nghệ hỗ trợ phù hợp khác theo khuyến nghị của cơ quan có thẩm quyền);

- Gia hạn thêm thời gian làm bài theo danh mục điều chỉnh thời gian do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Điều chỉnh định dạng hiển thị đề kiểm tra trên màn hình (cỡ chữ, độ tương phản, màu nền) phù hợp với nhu cầu của học sinh;

- Bố trí phòng kiểm tra và thiết bị riêng nếu cần thiết; cho phép sử dụng thiết bị hỗ trợ cá nhân đã được cơ sở giáo dục phê duyệt trước khi kiểm tra.

Trường hợp học sinh khuyết tật không có khả năng tham gia bài kiểm tra trên máy tính kể cả khi đã áp dụng đầy đủ các điều chỉnh hợp lý nêu trên, nhà trường tổ chức cho học sinh thực hiện kiểm tra trên giấy hoặc theo hình thức phù hợp khác theo quy định tại Thông tư này; kết quả có giá trị pháp lý tương đương.

đ) Thẩm quyền hướng dẫn chi tiết: Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn cụ thể về: quy trình tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ trên máy tính; tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật đề thi, dữ liệu bài làm; danh mục điều chỉnh hợp lý dành cho từng nhóm học sinh khuyết tật; phương án xử lý sự cố kỹ thuật."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Đối với học sinh chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo viên chủ nhiệm cần phối hợp với gia đình động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện. Sau khi hoàn thành việc chấp hành quyết định kỷ luật và được nhà trường công nhận hoàn thành, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm đánh giá lại kết quả rèn luyện của học sinh theo đúng quy trình đánh giá phẩm chất quy định tại Thông tư này, ghi nhận sự cố gắng, tiến bộ của học sinh trong học kỳ hoặc năm học. Kết quả rèn luyện sau khi chấp hành kỷ luật được đánh giá theo tiêu chí quy định chung; không

lấy việc học sinh đã bị kỷ luật làm lý do duy nhất để đánh giá phẩm chất học sinh ở mức Chưa đạt nếu học sinh đã có tiến bộ rõ rệt trong thời gian sau đó.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“1. Kết quả học tập theo từng môn học

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kì, kết quả học tập theo từng môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt. Việc xác định kết quả học tập được thực hiện khi học sinh có đủ kết quả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

+ Mức Tốt: Từ 50% trở lên số lần đánh giá ở mức Tốt, các lần đánh giá còn lại ở mức Khá hoặc Đạt, không có lần đánh giá Chưa đạt.

+ Mức Khá: Từ 50% trở lên số lần đánh giá ở mức Khá trở lên, không thuộc trường hợp mức Tốt và không có lần đánh giá Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Từ 50% trở lên số lần đánh giá ở mức Đạt trở lên và không thuộc trường hợp mức Tốt hoặc mức Khá.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập theo từng môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Tốt: học kì II đạt Tốt và học kì I đạt từ Khá trở lên

+ Mức Khá: học kì II đạt Khá và học kì I đạt từ Đạt trở lên; hoặc học kì II đạt Tốt nhưng học kì I chỉ đạt Đạt.

+ Mức Đạt: học kì II đạt Đạt trở lên nhưng không thuộc trường hợp Tốt hoặc Khá.

+ Mức Chưa đạt: học kì II Chưa đạt.”

“4. Đối với học sinh chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quyết định xử lý kỷ luật học sinh không làm thay đổi kết quả đánh giá học tập các môn học đã được xác định hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, trừ trường hợp học sinh bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về trung thực trong kiểm tra, đánh giá.”

10. Bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Đối với học sinh lớp 9, lớp 12, việc kiểm tra đánh giá lại kết quả rèn luyện, học tập trong kì nghỉ hè được bố trí linh hoạt về thời gian, bảo đảm quyền học tập của học sinh ở cấp học, bậc học tiếp theo.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“1. Đối với học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Đạt trở lên và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt theo quy định.

Kết quả đánh giá lại được sử dụng để xét công nhận mức đạt của môn học và xét lên lớp; kết quả học tập trước khi đánh giá lại vẫn được lưu giữ trong hồ sơ giáo dục, học bạ và cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục theo quy định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể việc thể hiện kết quả đánh giá lại trên học bạ, học bạ số và cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục để bảo đảm thống nhất trong toàn quốc, phản ánh đầy đủ quá trình học tập của học sinh và kết quả sử dụng để xét lên lớp.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 19 như sau:

“c. Hồ sơ đánh giá học sinh, học bạ, bảng tổng hợp kết quả giáo dục có thể được lập, quản lý, lưu trữ, ký số và khai thác dưới dạng điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Dữ liệu điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ giấy khi đáp ứng yêu cầu về xác thực, bảo mật và lưu trữ theo quy định của pháp luật. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu bảo mật và quy trình ký số đối với hồ sơ điện tử trong đánh giá học sinh.”

13. Thay thế các cụm từ

Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” thành cụm từ “Phòng Văn hóa – Xã hội cấp xã” tại tên điều, khoản 2 Điều 17.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Học bạ được lập bằng bản giấy trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị sử dụng và được lưu trữ, khai thác theo quy định.

2. Việc cập nhật, chuyển đổi dữ liệu từ Học bạ được lập bằng bản giấy sang Học bạ số thực hiện theo lộ trình, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trong thời gian chưa hoàn thành việc cập nhật, chuyển đổi dữ liệu từ Học bạ giấy sang Học bạ số, việc sử dụng học bạ được thực hiện như sau:

a) Đối với thông tin, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đã được cập nhật vào Học bạ số và được cơ sở giáo dục xác nhận hợp lệ thì sử dụng dữ liệu Học bạ số;

b) Đối với thông tin, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh chưa được cập nhật vào Học bạ số hoặc đã cập nhật nhưng chưa được xác nhận hợp lệ thì tiếp tục sử dụng Học bạ giấy đã được lập theo quy định;

c) Học bạ giấy và dữ liệu Học bạ số đã được xác nhận hợp lệ là căn cứ để quản lý, theo dõi, đánh giá học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học; xét hoàn thành chương trình tiểu học; chuyển trường, chuyển cấp, tuyển sinh và thực hiện thủ tục hành chính có liên quan. Trường hợp có sai lệch giữa Học bạ giấy và Học bạ số, cơ sở giáo dục có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ quản lý học sinh để cập nhật, điều chỉnh, bảo đảm chính xác và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của học sinh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Việc đánh giá, xếp loại, xét lên lớp, xét hoàn thành chương trình tiểu học, xét tốt nghiệp trung học cơ sở đối với năm học đã kết thúc trước ngày Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT trước khi được sửa đổi, bổ sung.

b) Các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này được áp dụng từ năm học 2026-2027 đối với hoạt động đánh giá học sinh, xét danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, xét lên lớp và các nội dung có liên quan.

c) Việc đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông ban hành

kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Thông tư này chỉ áp dụng đối với học sinh bắt đầu vào học lớp đầu cấp (lớp 6, lớp 10) kể từ năm học Thông tư này có hiệu lực thi hành. Đối với học sinh đã học các lớp tiếp theo của cấp học trước thời điểm nêu trên, việc đánh giá các môn học quy định tại khoản 3 Điều 5 nêu trên tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT trước khi được sửa đổi, bổ sung cho đến khi học sinh hoàn thành cấp học.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường trung học phổ thông chuyên, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng quốc gia giáo dục;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Kiểm toán nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

Phạm Ngọc Thưởng